



BIOTECHPHARMA



CATALOGUE

THUỐC THÚ Y



Mục Lục

DUNG DỊCH TIÊM

ANALGIN C.....	03
BROMHEXIN INJ PLUS	
CANCICONAT INJ	
D.O.C.....	04
DEXASONE (2)	
DOLAXIN	
ENROVET INJ	
FERDEX.....	05
FOSTOSAL	
FLODOXIN INJ	
FLOTY ONE	
GLU KC INJ.....	06
GENTA TYLO	
GENTAVET INJ	
GENTYSONE	
KETOFEN INJ.....	07
LINCO-SPEC INJ	
LINCOVET	
MARBOCIN	
MAXFLO L.A.....	08
MONO-SULTRIM	
OXYVET 200 L.A	
SEPTOTRYL	
SULTRIM INJ.....	09
TIACOL INJ (08)	
TYLO-SPEC INJ	
TYLOVET 200	
VERMECTIN INJ.....	10
VV-CHYMOSIN	
VIT AD3E INJ	
VITAMIN ADE 140	

HỖN DỊCH TIÊM

AMOXICLA.....	11
AMOXIGEN	
AMOXIVET L.A	
AMPICOL.....	12
CEFNOVET	
CEFNOVET (75)	
CEFTI LA (10)	
CEFTIVET L.A (5).....	13
CEFTIKET (10)	
ENROCIN L.A	
PEN-STREP	

THUỐC BỘT PHA TIÊM

CEFAXIM (New).....	14
CEFTI-S (New)	
CEFTRIXONE (New)	
CEFUXIM.....	15
CG16	
CG16 (New)	
CS-01	16
VV-CHYMOSIN	

DUNG DỊCH UỐNG/ HỖN DỊCH UỐNG

BUTAPHOS PRO.....	17
BROMHEXINE	
DICLACOC (30)	
ENROVET ORAL.....	18
ENROXACIN (10)	
FLOFEN 200	
FLODOX 30 (20).....	19
FLUCONAZOLE	
METISOL	
NORFLOX-200.....	20
PRO ONE	
SELEN PLUS	
TILMI 250 ORAL.....	21
TOLTRAZUL	
VV-CHYMOSIN	

THUỐC BỘT

AMOXCOLI W.S.P (50).....	22
AMOXIN W.S.P	
ANTICOC W.S.P	
ASPIRIN-C.....	23
AMPI COLI (50)	
AMPI COLI (42)	
AMPI 500 W.S.P	
ANALGIN-C.....	24
BROMHEXINE W.S.P	
BERIN-ST (10)	
CEPHAXIN W.S.P (10)	
COLIS 50 W.S.P.....	25
COTRIM-F	
DOXICLIN W.S.P	
DOXY-200 W.S.P	
FLOCOL 50% W.S.P.....	26
FLO-DOXY 02Br PREMIX	

FLO-DOXY (04)	
FLO-DOXY (10)	
LINCO-SPEC W.S.P.....	27
NEO-NYSTIN	
NYSTATIN	
NORFLOX (50)	
PARA-C (75).....	28
PARA W.S.P (10)	
PARA-C (10)	
OXYCOLI (PREMIX)	
OXYVET W.S.P (50).....	29
OXOLIN	
SUPERCOX W.S.P	
SULFAMONOXIN W.S.P (20)	
TIAMULIN W.S.P.....	30
VV-LEVASOL	
VV-CHYMOSIN (15)	
VALOSIN	

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

ADE. B COMPLEX C.....	31
BETA - GLUCAN 50	
BETA - GLUCAN	
BIOZYME (PREMIX)	
BIOTIN PLUS.....	32
BIOZYME	
CALCIUM PHOSPHORUS	
ELECTROLYTE	
GLUCO K+C.....	33
LACTOZYM	
SUPER GROW	
SUPER WAY	

DUNG DỊCH TIÊM

ANALGIN C

Giảm đau, hạ sốt



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Analgin.....250 mg
Vitamin C.....100 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Phòng và điều trị các trường hợp cảm sốt, kháng viêm, giảm đau ở gia súc, gia cầm, chó, mèo.
Phòng chống stress khi đổi môi trường.
Tăng cường hiệu quả điều trị khi kết hợp với kháng sinh.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm bắp, ngày 2 lần.
Chó, mèo, heo con: 1 - 2 ml/ con/ lần.
Heo thịt, dê, cừu, bê, nghé: 5 - 7 ml/ con/ lần.
Heo nái, heo nọc, trâu, bò: 10 ml/ con/ lần.
Lưu ý: Nên kết hợp với kháng sinh trong các trường hợp bị nhiễm trùng.
Nên cung cấp đủ nước và chất điện giải cho thú trong thời gian điều trị.

BROMHEXIN INJ PLUS

Hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp, kháng viêm, hạ sốt



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Bromhexin HCl 3 mg
Dung môi vừa đủ 1 ml

CÔNG DỤNG

Hỗ trợ điều trị viêm phổi, loãng đờm, long đờm, giãn phế quản trên trâu, bò, heo, chó, mèo.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm sâu vào bắp thịt, ngày 1 - 2 lần tùy theo mức độ sốt và khó thở cho đến khi khỏi bệnh.
Liều: 1 ml/ 10 kg thể trọng.
Lưu ý: Nên kết hợp với kháng sinh trong điều trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp.

CANCICONAT INJ

Đặc trị sốt sữa, co giật, bại liệt trước và sau khi sinh



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Calcium gluconate.....100 mg
Magnesium chloride hexahydrate.....35 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị các bệnh thiếu Calcium, Magnesium, bại liệt, sốt sữa, sản giật, co giật, ngộ độc, bệnh ho, hạ kali trong máu.
Hỗ trợ điều trị quá trình viêm và tiết dịch nội mạc tử cung, viêm vú, nhiễm trùng máu. Phòng ngừa rối loạn chuyển hoá, bại liệt, sốt nhau trên trâu, bò, cừu, dê, ngựa, heo, chó và mèo.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm sâu vào bắp cơ.
Chó, mèo: 0,5 - 1,5 ml/ kg thể trọng.
Trâu, bò, heo, dê, cừu, ngựa: 1 ml/ 5 kg thể trọng.
Liều phòng: Dùng 1 liều duy nhất trước khi sinh 24 giờ.
Liều trị: Ngày dùng 2 lần cho đến khi hết triệu chứng bệnh.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

D.O.C Đặc trị viêm phổi, tụ huyết trùng, tiêu chảy  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa	Thiamphenicol.....100 mg Oxytetracycline HCl.....50 mg Dexamethasone (as sodium phosphate).....0,75 mg Bromhexine HCl.....1 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml
	CÔNG DỤNG	Điều trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng trên heo con, bạch ly, phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, thối móng, viêm đường tiết niệu, sốt, bỏ ăn không rõ nguyên nhân trên heo, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tiêm bắp thịt, ngày 1 lần từ 3 - 4 ngày. Trâu, bò, heo lớn: 1 ml/ 10 kg thể trọng. Heo con, bê, nghé, cừu: 1 - 2 ml/ 10 kg thể trọng. Chó mèo, gia cầm: 1 ml/ 4 - 5 kg thể trọng.
DEXASONE 2 Kháng viêm, chống dị ứng, chống sốc  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa	Dexamethasone (as sodium phosphat).....2 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml
	CÔNG DỤNG	Kháng viêm, chống dị ứng, điều trị bệnh ketosis trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp hoặc tiêm dưới da. - Ngựa, trâu, bò, heo: 1,5 ml/ 50 kg thể trọng/ ngày. - Chó, mèo: 0,5 ml/ 10 kg thể trọng/ ngày.
DOLAXIN Đặc trị bệnh đường hô hấp  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa	Tulathromycin.....100 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml
	CÔNG DỤNG	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm kết mạc, tụ huyết trùng, suyễn, viêm xoang trên trâu, bò, heo.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tiêm 1 liều duy nhất. - Trâu, bò: 1 ml/ 40 kg thể trọng, tiêm dưới da. Không tiêm quá 7,5 ml tại 1 vị trí tiêm. - Heo: 1 ml/ 40 kg thể trọng, tiêm bắp cổ. Không tiêm quá 2 ml tại 1 vị trí tiêm.
ENROVET INJ Đặc trị tiêu chảy  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa	Enrofloxacin.....50 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml
	CÔNG DỤNG	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hoá, sinh dục, tiết niệu, nhiễm trùng huyết, ngoài da, MMA trên trâu, bò, bê, heo, chó, mèo.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, từ 3 - 5 ngày. - Heo, bê: Tiêm bắp 0,5 - 1ml/ 10 kg thể trọng. - Chó và mèo: Tiêm dưới da 0,1 ml/ kg thể trọng.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

FERDEX Điều trị thiếu máu trên heo con  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Sắt (dạng Dextran complex).....100 mg Vitamin B12.....100 µg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, trâu, bò, dê, cừu, ngựa. Tiêm dưới da (S.C) hoặc tiêm bắp (I.M). - Heo con (3 ngày tuổi hoặc từ 7 - 21 ngày sau khi sinh): 2 ml/ lần. - Trâu, bò, dê, ngựa: 5 - 10 ml/ lần; Bê: 3 ml/ lần. - Cừu lớn: 3 - 5 ml/ lần; cừu con: 1 ml/ lần.
FOSTOSAL Điều trị rối loạn trao đổi chất  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Butaphosphan 100 mg Vitamin B12 (Cyanocobalamin)50 µg Dung môi vừa đủ1 ml Điều trị suy nhược, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, lạc đà, ngựa, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo. Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, trong 3 ngày liên tiếp. - Trâu, bò: 1 - 2 ml/ 50 kg thể trọng. - Bê, nghé: 2 - 4 ml/ 50 kg thể trọng. - Ngựa: 1 - 2 ml/ 50 kg thể trọng. - Heo nái: 2 - 5 ml/ 50 kg thể trọng. - Heo con: 1 - 2,5 ml/ con. - Gia cầm: 0,3 - 0,5 ml/ con (1 ml/ 5 kg thể trọng). - Chó, mèo: 0,5 - 5 ml. Trong những trường hợp bệnh mãn tính, dùng nửa liều điều trị, liên tục từ 1 đến 2 tuần.
FLODOXIN INJ Đặc trị viêm phổi, suyễn heo, tụ huyết trùng, sưng phù đầu  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol.....200 mg Doxycyclin.....100 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị viêm phổi, suyễn, tụ huyết trùng, tiêu chảy, sưng phù đầu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, cừu, heo. Trâu, bò, cừu, heo: tiêm bắp 1 ml/ 20 kg thể trọng/ ngày, trong 2 - 3 ngày liên tiếp.
FLOTY ONE Đặc trị bệnh hô hấp, tiêu chảy  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol.....200 mg Tylosin tartrate.....50 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Đặc trị viêm phổi dính sườn, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm ruột-tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, dấu son, sưng phù đầu, nhiễm khuẩn <i>Salmonella</i> trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm. Tiêm bắp liều: 1 ml/ 20 kg thể trọng, được dùng hai lần cách nhau 48 giờ. Liều lượng tiêm ở một vị trí tiêm một lần không được quá 10 ml ở trâu, bò, cừu, dê, 3 ml ở heo.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

GLU KC INJ

Hỗ trợ điều trị,
hồi sức nhanh



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Glucose.....50 mg
Vitamin C.....50 mg
Vitamin K3.....10 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Hỗ trợ điều trị bệnh truyền nhiễm, giúp con vật phục hồi nhanh khi mắc bệnh như tai xanh PRRS, tụ huyết trùng, lở mồm long móng, gumboro, ký sinh trùng máu, cầu trùng, nhiễm trùng viêm phổi, viêm khớp do tụ cầu khuẩn, liên cầu khuẩn. Hồi sức nhanh cho gia súc mang thai, sau khi sinh, nuôi con bú. Cung cấp năng lượng, nâng cao sức đề kháng khi con vật bị suy nhược cơ thể, bỏ ăn, ăn kém. Làm giảm nguy cơ xuất huyết các phủ tạng trong cơ thể, hỗ trợ cầm máu sau phẫu thuật.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm bắp, dưới da hoặc cho uống
Trâu, bò, dê, cừu, heo: 1 ml/ 7-10 kg thể trọng/ ngày.
Gia cầm: 1 ml/ 3 - 5 kg thể trọng.
Phối hợp với CEFTIVET L.A để tăng hiệu quả điều trị.

GENTA TYLO

Đặc trị nhiễm trùng
đường hô hấp



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Tylosin tartrate.....100 mg
Gentamicin sulphate.....50 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng huyết, viêm khớp, viêm vú trên heo, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm bắp ngày 1 lần, dùng trong 3 - 4 ngày.
- Trâu, bò: 1 ml / 25 - 30 kg thể trọng/ ngày.
- Heo, dê, cừu: 1 ml/ 20 kg thể trọng/ ngày.
- Chó, mèo: 1 ml / 15 kg thể trọng/ ngày.

GENTAVET INJ

Đặc trị bệnh đường hô hấp,
tiêu chảy, sưng phù đầu



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Gentamicin sulphate.....100 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, tiết niệu: viêm ruột, sưng phù đầu, viêm vú trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da (gia cầm), từ 2 - 3 ngày liên tiếp.
- Trâu, bò: 1 ml/ 20 - 25 kg thể trọng/ ngày.
- Heo, dê, cừu: 1 ml/ 10 - 20 kg thể trọng/ ngày.
- Gia cầm, chó, mèo: 1 ml/ 8 - 10 kg thể trọng/ ngày.

GENTYSONE

Đặc trị hen suyễn,
hồng ly, SRD



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Tylosin tartrate.....150 mg
Gentamicin sulfate.....60 mg
Dexamethasone sodium phosphat.....0,3 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Kháng viêm, giảm đau, chống stress và điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Gentamicin như:
Gia súc, heo: Viêm phổi, viêm màng phổi, suyễn heo, tụ huyết trùng, Lepto, hội chứng MMA, tiêu chảy và bệnh hồng ly.
Gia cầm: Điều trị các bệnh CRD, CCRD.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, trong 3 ngày liên tiếp.
Gia súc, heo: 1 ml/ 15 kg thể trọng/ ngày.
Gia cầm: 1 ml/ 6 kg thể trọng/ ngày.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

KETOFEN INJ Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt nhanh  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Ketoprofen..... 100 mg Dung môi vừa đủ..... 1 ml Hạ sốt, giảm đau, kháng viêm trên trâu, bò, cừu, dê, heo, chó và mèo. Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, từ 3 - 5 ngày liên tiếp. Trâu, bò, cừu, dê: 1 ml/ 33 kg thể trọng/ ngày. Heo: 1 ml/ 33 kg thể trọng/ ngày. Chó, mèo: Pha loãng 1 ml dung dịch KETOFEN INJ với 9 ml nước cất pha tiêm và tiêm liều 0,1 - 0,2 ml dung dịch pha loãng cho 1 kg thể trọng/ ngày.
LINCO-SPEC INJ Đặc trị hồng ly, viêm phổi, viêm khớp  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Lincomycin..... 50 mg Spectinomycin..... 100 mg Dung môi vừa đủ..... 1 ml Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hoá, sinh dục, tiết niệu, nhiễm trùng máu, viêm khớp, móng, đóng dấu son, viêm vú trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm. Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da (gia cầm), từ 3 - 5 ngày: - Trâu, bò, heo: 1 ml/ 10 kg thể trọng. - Heo con, bê, nghé, dê, cừu: 1 ml/ 5 kg thể trọng. - Gia cầm, chó, mèo: 1 ml/ 4 kg thể trọng.
LINGOVET Đặc trị viêm phổi, viêm khớp  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Lincomycin HCl..... 100 mg Dung môi vừa đủ..... 1 ml Trâu, bò, heo, dê, cừu và gia cầm: điều trị các bệnh nhiễm trùng như bệnh lý, viêm phổi, sưng, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, áp xe chân. Chó, mèo: điều trị các bệnh nhiễm trùng như: viêm ruột, viêm khớp, áp xe, vết thương nhiễm trùng, viêm da gây mủ, nhiễm trùng huyết do vi khuẩn Gram (+) như: Streptococcus, Staphylococcus và Gram (-) như Bacteroides gây ra. Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, từ 3 - 5 ngày liên tiếp. Trâu, bò, heo, dê, cừu: 1 ml/ 10 kg thể trọng/ ngày. Chó, mèo: 1 ml/ 5 kg thể trọng/ ngày. Gia cầm: 1 ml/ 3 - 5 kg thể trọng/ ngày.
MARBOCIN Đặc trị viêm phổi, hội chứng MMA, tiêu chảy  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Marbofloxacin..... 100 mg Dung môi vừa đủ..... 1 ml Trâu, bò, cừu, dê: Tiêm dưới da hoặc tiêm bắp liều 1 ml/ 50 kg thể trọng/ ngày, dùng trong 3-5 ngày. Heo: Tiêm bắp liều 1 ml/ 50 kg thể trọng/ ngày, dùng 3 ngày liên tiếp. Gia súc: Tiêm dưới da hoặc tiêm bắp liều 1 ml/ 50 kg thể trọng/ ngày, dùng trong 3 - 5 ngày. Heo: Tiêm bắp liều 1 ml/ 50 kg thể trọng/ ngày, dùng 3 ngày liên tiếp.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

MAXFLO L.A Đặc trị viêm phổi, hen suyễn, thương hàn ghép với hô hấp  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol.....450 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng máu, sốt bỏ ăn không rõ nguyên nhân, các bệnh kể phát của tai xanh trên trâu, bò, heo. - Trâu, bò: Tiêm dưới da: 1 ml/ 45 kg thể trọng, 1 liều duy nhất. Tiêm bắp: liều 1 ml/ 45 kg thể trọng, tiêm 2 liều cách nhau 72 giờ. Chỉ nên tiêm ở cổ. Liều lượng dùng ở bất kỳ vị trí tiêm nào cũng không được vượt quá 10 ml. - Heo: Tiêm bắp cổ: liều 1 ml/ 30 kg thể trọng, tiêm 2 liều cách nhau 72 giờ. Không tiêm quá 3 ml tại 1 vị trí tiêm.
MONO-SULTRIM Đặc trị đầu đen, ký sinh trùng đường máu, cầu trùng, E. coli, tụ huyết trùng  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Sulfamonomethoxine sodium.....200 mg Trimethoprim.....40 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị ký sinh trùng đường máu, bệnh đầu đen, cầu trùng, ORT, E. coli, thương hàn, sung phù đầu (coryza), tụ huyết trùng trên gia súc và gia cầm. Tiêm bắp, liên tục 4 - 5 ngày. Gia cầm: 1 ml/ 5 - 8 kg thể trọng/ ngày. Trâu, bò, dê, cừu, ngựa, heo: 1 ml/ 10 - 20 kg thể trọng/ ngày.
OXYVET 200 L.A Đặc trị MMA, nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Oxytetracycline.....200 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml - Trâu, bò: Điều trị sốt do vận chuyển, viêm ruột, viêm dạ dày, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú. - Heo: Điều trị viêm dạ dày, ruột, viêm vú, viêm tử cung, hội chứng MMA, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp, bệnh Lepto. - Cừu và dê: Điều trị viêm phổi, viêm ruột, sẩy thai truyền nhiễm. - Trâu, bò, heo, cừu và dê: tiêm bắp 1 ml/ 10 kg thể trọng, một liều duy nhất. - Trong trường hợp nặng, có thể được tiêm lặp lại sau 72 giờ. Nếu tiêm quá 20 ml ở gia súc, 10 ml ở heo, 5 ml ở cừu và dê, nên chia liều thành hai hay nhiều vị trí tiêm.
SEPTOTRYL Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Sulfamethoxazole.....200 mg Trimethoprim.....40 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, móng,... ở trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gà, vịt. Tiêm sâu bắp thịt, từ 3 - 5 ngày. Trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu: 1 ml/ 10 - 20 kg thể trọng/ ngày. Gà, vịt: 1 ml/ 5 - 8 kg thể trọng/ ngày. Có thể pha tan trong nước sinh lý để tiêm cho gà, vịt.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

SULTRIM INJ Đặc trị tiêu hóa, hô hấp, thương hàn, tụ huyết trùng  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Sulfamethoxypyridazine.....200 mg Trimethoprim.....40 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, heo, chó, mèo và gia cầm. Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da (gia cầm, chó, mèo), 3 - 5 ngày. - Trâu, bò và heo: 1 ml/ 16 kg thể trọng/ ngày. - Gia cầm, chó và mèo: 1 ml/ 8 kg thể trọng/ ngày.
TIACOL INJ 08 Đặc trị tiêu chảy, hồng ly, viêm xoang  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tiamulin.....80 mg Colistin.....500 000 UI Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị tiêu chảy, hồng ly, viêm phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm trên trâu, bò, bê, dê, cừu, heo. Tiêm bắp, ngày 1 lần, trong 3 - 4 ngày liên tục. - Trâu, bò: 1 ml/ 15 - 20 kg thể trọng/ ngày. - Heo, dê: 1 ml/ 10 - 15 kg thể trọng/ ngày.
TYLO-SPEC INJ Đặc trị viêm phổi cấp tính  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tylosin tartrate.....75 mg Spectinomycin.....50 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, sinh dục, tiết niệu, viêm da có mủ, kiết lỵ, xuất huyết, viêm quầng, viêm tai giữa, viêm khớp, sưng phù đầu, tụ huyết trùng, ORT, CRD, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, gia cầm, chó, mèo. - Heo, chó, mèo: 1 ml/ 5 - 10 kg thể trọng. - Trâu, bò: 1 ml/ 10 - 15 kg thể trọng. - Gia cầm nuôi thịt: 1 ml/ 5 - 7,5 kg thể trọng. Tiêm bắp thịt, ngày 1 lần, trong 4 - 5 ngày. Trường hợp bệnh nặng, ngày đầu tiên tiêm 2 lần, các ngày sau tiêm 1 lần.
TYLOVET 200 Đặc trị bệnh đường hô hấp tiêu hóa  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tylosin (as tartrate).....200 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị CRD, C-CRD, suyễn, viêm phổi, hồng ly, thối móng, viêm vú, tụ huyết trùng trên trâu, bò, bê, dê, cừu, heo, gà, vịt. Tiêm bắp, ngày 1 lần, liên tục 3 - 5 ngày theo liều sau: - Heo lớn, bê, nghé, dê, cừu: 1 ml/ 10 kg thể trọng/ngày. - Heo con, gà, vịt: 1 ml/ 7-8 kg thể trọng/ ngày. - Trâu, bò: 1 ml/ 15-20 kg thể trọng.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

VERMECTIN INJ

Đặc trị
nội, ngoại ký sinh trùng



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Ivermectin..... 10 mg
Dung môi vừa đủ..... 1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng: Giun, dòi, ve, chấy rận, bọ chét, sán trên trâu, bò, cừu, heo, chó, mèo.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm dưới da, tuần 1 lần, liên tục 3 tuần.
Trâu, bò: 1 ml/ 50 kg thể trọng/ lần.
Cừu: 0,5 ml/ 25 kg thể trọng/ lần.
Heo: 1 ml trên 33 kg thể trọng/ lần.
Chó và mèo: 0,1 ml/ 5 kg thể trọng/ lần.

VV-CHYMOSIN

Tiêu viêm, giảm phù nề
sưng đau, tan máu bầm



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

α -Chymotrypsin..... 4 mg
Trypsin..... 1 mg
Dung môi vừa đủ..... 1 ml

CÔNG DỤNG

Trị viêm và phù mô trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, gia cầm.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm bắp hoặc tiêm cục bộ. Lặp lại sau 12 - 24 giờ nếu cần.
- Gia cầm: 1 ml/ 10 - 15 kg thể trọng.
- Bê, nghé: 1 ml/ 20 - 30 kg thể trọng.
- Trâu, bò, ngựa, heo: 3 - 6 ml/ 100 kg thể trọng.

VIT AD3E INJ

Tăng sức đề kháng, phòng chống
vô sinh, phòng chống stress



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Vitamin A (retinol palmitate)..... 500.000 IU
Vitamin D3 (cholecalciferol)..... 75.000 IU
Vitamin E (α -tocopherol acetate)..... 50 mg
Dung môi vừa đủ..... 1 ml

CÔNG DỤNG

Phòng và điều trị trường hợp thiếu vitamin A; D3; E, tăng khả năng đề kháng với các bệnh do nhiễm khuẩn và nhiễm ký sinh trùng, phòng chống vô sinh, phòng chống stress (do tiêm chủng, vận chuyển, độ ẩm cao, nhiệt độ cao hoặc thay đổi nhiệt độ), thiếu canxi trong xương, cải thiện hiệu quả chuyển đổi thức ăn.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Dùng đường tiêm bắp.
Gia súc lớn: 5 ml/ con.
Bê: 3 - 4 ml/ con.
Heo lớn: 2 - 3 ml/ con; heo con: 0,5 - 1 ml/ con.
Cừu và dê lớn: 2 ml/ con; dê và cừu con: 0,5 - 1 ml/ con.
Điều trị bệnh dùng liên tục trong 14 ngày, tốt nhất trong ba tuần.

VITAMIN ADE 140

Đặc trị còi cọc, biếng ăn,
chậm lớn, tăng sức đề kháng



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN
Trong 1 ml chứa

Vitamin A (retinol palmitate)..... 80.000 IU
Vitamin D3 (cholecalciferol)..... 40.000 IU
Vitamin E (α -tocopherol acetate)..... 20 mg
Dung môi vừa đủ..... 1 ml

CÔNG DỤNG

Phòng ngừa và điều trị thiếu hụt các vitamin A, D3 và E ở vật nuôi; tăng khả năng đề kháng.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm bắp, liên tục trong 14 ngày.
Trâu, bò & ngựa: 10 ml/ con.
Bê và ngựa con: 5 ml/ con.
Dê & cừu: 3 ml/ con.
Heo: 5 - 8 ml/ con; Heo con: 1 - 3 ml/ con.
Chó: 1 - 5 ml/ con; Mèo: 1 - 2 ml/ con.

HỒN DỊCH TIÊM

AMOXICLA

**Đặc trị nhiễm khuẩn nặng,
viêm vú, viêm tử cung,
viêm phổi, viêm khớp**



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN

Trong 1 ml chứa

Amoxicillin trihydrate.....140 mg
Clavulanic acid.....35 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị nhiễm trùng trên đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu: viêm vú, nhiễm trùng khớp, rốn, áp xe trên trâu, bò, dê, cừu và heo.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Dùng tiêm bắp.
Liều chung: 1 ml/ 20 kg thể trọng/ ngày, từ 3 - 5 ngày.
Lắc đều trước khi sử dụng. Sau khi tiêm, mát xa vị trí tiêm.

AMOXIGEN

**Đặc trị
viêm vú, viêm tử cung,
viêm ruột, tiêu chảy**



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN

Trong 1 ml chứa

Amoxicillin trihydrate.....150 mg
Gentamicin sulphate.....40 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hoá, sinh dục, tiết niệu, da, vết thương, MMA, tụ huyết trùng, Lepto trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu, heo, chó, mèo.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Tiêm bắp sâu hoặc tiêm dưới da (chó, mèo):
- Trâu, bò: 1 ml/ 15 kg thể trọng.
- Heo lớn, bê, nghé, dê, cừu: 1 ml/ 10 kg thể trọng.
- Heo con, chó, mèo: 1 ml/ 7 kg thể trọng.
Không tiêm quá 10 ml tại một vị trí tiêm.

AMOXIVET L.A

**Đặc trị
viêm phổi, viêm da,
viêm tử cung**



Quy cách: 20 ml, 100 ml

THÀNH PHẦN

Trong 1 ml chứa

Amoxicillin trihydrate.....150 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục-tiết niệu, sung phù đầu, tụ huyết trùng, viêm da có mủ trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Dùng tiêm bắp hoặc dưới da (chó, mèo).
Liều chung: 1 ml/ 10 kg thể trọng, nếu cần thiết tiêm lặp lại sau 48 giờ.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

AMPICOL Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Ampicillin trihydrate.....100 mg Colistin sulphate.....250 000 UI Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục-tiết niệu và nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu và heo. Tiêm bắp, liều chung: 1 ml/ 10 kg thể trọng, ngày 2 lần cách nhau 12 tiếng, trong 3 ngày liên tiếp.
CEFNOVET Đặc trị viêm phổi, Glasser, hội chứng MMA  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Cefquinome sulfate.....25 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm vú-viêm tử cung-mất sữa (MMA), viêm da hoại tử, thối móng, nhiễm trùng huyết, viêm màng não, viêm khớp trên trâu, bò, lợn. Tiêm bắp, từ 3 - 5 ngày. Trâu, bò: 2 ml/ 50 kg thể trọng/ ngày. Bê: 2 ml/ 25 kg thể trọng/ ngày. Lợn: 1 - 2 ml/ 25 kg thể trọng/ ngày.
CEFNOVET 75 Đặc trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi, tụ huyết trùng, hội chứng MMA  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Cefquinome sulphate.....7,5 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị viêm vú - viêm tử cung - mất sữa (MMA), nhiễm khuẩn đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm da hoại tử, thối móng, nhiễm trùng huyết, viêm màng não, viêm khớp trên trâu, bò, heo. Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, 3 - 5 ngày. - Bò sữa, heo nái: 1 ml/ 15 - 20 kg thể trọng. - Trâu: 1 ml/ 20 - 25 kg thể trọng. - Heo con, bê, nghé: 1 ml/ 8 - 10 kg thể trọng. 48 giờ tiêm 1 lần.
CEFTI LA 10 Đặc trị viêm vú, viêm khớp, viêm tử cung, viêm đường hô hấp (Tác dụng kéo dài 72 giờ)  Quy cách: 20ml, 100ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Ceftiofur.....100 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, sinh dục, tiết niệu, viêm thối móng cấp tính, nhiễm trùng huyết, viêm khớp, MMA trên trâu, bò, heo. - Trâu, bò: Tiêm dưới da sau vành tai hoặc tiêm cơ cổ một liều duy nhất: 1 ml/ 40 kg thể trọng. - Heo: Tiêm cơ cổ một liều duy nhất: 1 ml/ 20 kg thể trọng.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

CEFTIVET L.A 5 Đặc trị viêm vú, viêm phổi, viêm tử cung, kể phát tai xanh  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Ceftiofur.....50 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, kể phát tai xanh, sinh dục, tiết niệu, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm thối móng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo. Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, từ 3 - 5 ngày. - Trâu, bò: 1 ml/ 50 kg thể trọng /ngày. - Heo: 1 - 3 ml/ 50 kg thể trọng/ ngày. - Dê, cừu: 1 ml/ 22 kg thể trọng/ ngày. - Chó, mèo: 1 ml/ 15 kg thể trọng/ ngày. Sau khi tiêm, mát xa vị trí tiêm.
CEFTIKET 10 Đặc trị các bệnh truyền nhiễm, viêm vú, viêm khớp, lở mồm long móng, giảm sưng, giảm đau, kháng viêm  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Ceftiofur.....100 mg Ketoprofen.....100 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm phổi, BRD, sốt vận chuyển, sốt sữa, hội chứng MMA, viêm nội mạc tử cung, tụ huyết trùng, viêm cơ-xương, viêm khớp, thối chân, viêm nội mô, phù nề, lở mồm long móng (FMD) trên trâu, bò, dê, cừu, heo. Tiêm bắp thịt, trong 3 - 5 ngày. - Trâu, bò, dê, cừu: 1 ml/ 80 kg thể trọng. - Heo: 1 ml/ 40 kg thể trọng.
ENROCIN L.A Đặc trị hô hấp, tiêu chảy, CRD, C-CRD  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Enrofloxacin.....100 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu trên trâu, bò, cừu, dê, heo, gia cầm. Tiêm bắp thịt: Trâu, bò, cừu, dê, heo: 1 ml/ 20 - 40 kg thể trọng. Gia cầm: 1 ml/ 7 - 10 kg thể trọng. Tiêm nhắc lại liều thứ 2 sau 48 giờ nếu cần thiết. Lưu ý: Lắc đều trước khi sử dụng.
PEN-STREP Đặc trị viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, tiêu chảy, đóng dấu  Quy cách: 20 ml, 100 ml	THÀNH PHẦN: Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Penicillin G Procaine.....200.000 UI Dihydrostreptomycin sulphate.....200 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị nhiễm trùng vết thương, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, bệnh đóng dấu son, thối móng trên trâu, bò, dê, cừu và heo. Tiêm bắp sâu: Trâu, bò: 1 ml/ 20 - 30 kg thể trọng. Dê, cừu và heo: 1 ml/ 10 - 20 kg thể trọng. Nếu cần thiết tiêm lặp lại sau 72 giờ.

THUỐC BỘT PHA TIÊM

CEFAXIM (New)

Đặc trị vi khuẩn
Gram âm, bại huyết, ORT



Quy cách: 2g, 10g, 25g

THÀNH PHẦN
1 hộp 2 sản phẩm

CEFAXIM
Cefotaxim sodium.....10 g
Tá dược đặc biệt (sulbactam) vừa đủ.....12 g
GENTAMICIN
Gentamicin sulfate.....6 g
Dung môi vừa đủ.....100 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị tụ huyết trùng, sổ mũi truyền nhiễm, thương hàn, phó thương hàn, nhiễm trùng đường hô hấp dưới, viêm tử cung, viêm vú, sốt hậu sản, nhiễm khuẩn huyết, viêm da, ổ bụng, viêm xương, khớp, viêm dây thần kinh, ho cúm chó, viêm phổi phức hợp (BRD & SRD) trên trâu, bò, chó, mèo, gia cầm,
Điều trị bại huyết trên vịt, viêm đa xoang, ORT trên gà.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Hòa tan chai dung dịch vào chai thuốc bột, lắc đều cho tan. Tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch, dùng liên tục ít nhất 3 ngày.
Liều: 1 ml/ 5 kg thể trọng/ lần, ngày 1 - 2 lần.
Chú ý: Sau khi hòa tan thuốc nên sử dụng ngay.

CEFTI-S (New)

Đặc trị khẹt vịt, toi gà,
tụ huyết trùng, ORT



Quy cách: 2500 mg, 6250 mg

THÀNH PHẦN
1 hộp 2 sản phẩm

CEFTI-S
Ceftiofur.....6.250 mg
SULTRIM INJ
Sulfamethoxypyridazine.....200 mg
Trimethoprim.....40 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị các bệnh đường hô hấp cấp tính và mãn tính. Điều trị các bệnh ho khẹt, sung phù đầu, bại liệt, tụ huyết trùng, thương hàn, ORT.
Các bệnh do *E. coli*, *Salmonella*, *Klebsiella*, *Vibrio* ở gà, vịt, ngan, ngỗng.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Hòa tan chai dung dịch vào chai thuốc bột, lắc đều cho tan. Tiêm bắp thịt.
1 ml/ 6 - 8 kg thể trọng.
Lưu ý: Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay.

CEFTRIXONE (New)

Đặc trị nhiễm trùng
hô hấp, tụ huyết trùng



Quy cách: 1g, 5g, 12.5g

THÀNH PHẦN
1 hộp 2 chai

Chai bột:
Ceftriaxone sodium.....12,5 g
Tá dược đặc biệt (sulbactam) vừa đủ.....15 g
Chai dung dịch pha tiêm.....250 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, da, xương, khớp, nhiễm trùng huyết, viêm màng não cấp tính trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Pha đều với lọ dung môi pha tiêm trước khi sử dụng, tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch, từ 3 - 5 ngày, cách nhau 12 - 24 giờ
- Gia cầm: 1 ml/ 4 kg thể trọng.
- Heo con: 1 ml/ 5 kg thể trọng.
- Bê, dê, cừu, heo lớn: 1 ml/ 10 kg thể trọng.
- Trâu, bò, ngựa: 1 ml/ 15 kg thể trọng.
- Chó, mèo: 1 ml/ 2 - 4 kg thể trọng.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

CEFUXIM Đặc trị vi khuẩn Gram âm, bại huyết, ORT, hô hấp, viêm màng não  Quy cách: 10 g, 25 g	THÀNH PHẦN 1 hộp 2 sản phẩm	CEFUXIM Cefuroxime sodium.....10 g GENTAMICIN Gentamicin sulfate.....6 g Dung môi vừa đủ.....100 ml CÔNG DỤNG Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn thể nặng đường hô hấp dưới, viêm phổi, viêm phế quản cấp và mãn tính, bại huyết, viêm đa xoang, ORT, nhiễm khuẩn da, mô mềm, xương - khớp, đường sinh dục - tiết niệu, nhiễm khuẩn máu, viêm màng não trên gia cầm, trâu, bò, heo, chó, mèo. LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG Hòa tan chai dung dịch vào chai thuốc bột, lắc đều cho tan. Tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch, dùng liên tục ít nhất 3 ngày, ngày 2 lần. - Gia cầm: 1 ml/ 8 kg thể trọng. - Heo: 1 ml/ 10 - 20 kg thể trọng/ ngày. - Trâu, bò: 1 ml/ 30 kg thể trọng. - Chó: 1 ml/ 12 kg thể trọng. Chú ý: Sau khi hòa tan thuốc nên sử dụng ngay.
CG16 Đặc trị ORT, bại huyết, tụ huyết trùng, E. coli, thương hàn, nhiễm khuẩn huyết  Quy cách: 10 g, 25 g	THÀNH PHẦN 1 hộp 2 sản phẩm	CEFTRIXONE Ceftriaxone sodium.....10 g GENTAMICIN Gentamicin sulfate.....6 g Dung môi vừa đủ.....100 ml CÔNG DỤNG Gia cầm, thủy cầm: Điều trị ORT, viêm mũi truyền nhiễm, thương hàn, bạch ly, E.coli kéo màng, viêm ruột tiêu chảy, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm khớp ... Gia súc: Viêm phổi phức hợp (BRD, SRD), phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm khí quản - phế quản truyền nhiễm, viêm vú, viêm tử cung, sốt hậu sản, nhiễm khuẩn huyết ... LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG Rút hết dung dịch trong chai GENTAMICIN bơm vào chai CEFTRIXONE, lắc đều cho đến khi tan hết. Tiêm bắp hoặc tĩnh mạch, dùng liên tục ít nhất 3 ngày. Liều: 1 ml/ 5 - 6 kg thể trọng, ngày 1-2 lần tùy tình trạng bệnh. Lưu ý: Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay. Không dùng quá liều chỉ định.
CG16 (New) Đặc trị ORT, bại huyết, tụ huyết trùng E. coli, thương hàn, nhiễm khuẩn huyết  Quy cách: 10 g, 25 g	THÀNH PHẦN 1 hộp 2 sản phẩm	CEFTRIXONE (New) Ceftriaxone (sodium).....10 g Tá dược đặc biệt (sulbactam) vừa đủ.....12 g GENTAMICIN (New) Gentamicin sulfate.....6 g Dung môi vừa đủ.....100 ml CÔNG DỤNG - Gia cầm, thủy cầm: Điều trị ORT, viêm mũi truyền nhiễm, thương hàn, bạch ly, E. coli kéo màng, viêm ruột tiêu chảy, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm khớp... - Trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn: Viêm phổi phức hợp (BRD, SRD), phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm khí quản - phế quản truyền nhiễm, viêm vú, viêm tử cung, sốt hậu sản, nhiễm khuẩn huyết ... LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG Rút hết dung dịch trong chai GENTAMICIN bơm vào chai CEFTRIXONE, lắc đều cho đến khi tan hết. Tiêm bắp hoặc tĩnh mạch, dùng liên tục ít nhất 3 ngày. Liều: 1 ml/ 5 - 6 kg thể trọng, ngày 1 - 2 lần tùy tình trạng bệnh. Lưu ý: Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay. Không dùng quá liều chỉ định.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

CS-01

Đặc trị khéc vịt, bại vịt, phân xanh, phân trắng, tụ huyết trùng



Quy cách: 100 ml, 250 ml

THÀNH PHẦN
Cấp kháng sinh
gồm 2 sản phẩm

CEFTIVET L.A
Ceftiofur HCl.....20 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml
SEPTOTRYL
Sulfamethoxazole.....200 mg
Trimethoprim.....40 mg
Dung môi vừa đủ.....1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cấp và mãn tính, bệnh tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, đau móng, viêm vú trên trâu, bò, heo.
Điều trị các bệnh ho khéc, sung phù đầu, bại huyết, tụ huyết trùng, thương hàn. Các bệnh do *E. coli*, *Salmonella*, *Klebsiella*, *Vibrio*... với các biểu hiện: viêm phổi, khô khè, ủ rũ, khéc vịt, bại cánh, sưng giò, viêm khớp, ngoẹo đầu, ngoẹo cổ, lật ngửa, bơi xoay vòng, chết đột ngột, tiêu chảy phân xanh, phân trắng, phân nhớt vàng ở gà, vịt, ngan, ngỗng.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Rút hết dung dịch thuốc từ chai SEPTOTRYL bơm vào chai CEFTIVET L.A, lắc đều cho tan hết. Tiêm bắp thịt.
Gia cầm lớn: 1 ml/ 3 - 4 kg thể trọng.
Gia cầm nhỏ: có thể pha loãng hỗn hợp dung dịch Septotryl và Ceftivet L.A với nước cất hoặc nước muối sinh lý theo tỷ lệ 1:1, lắc đều hỗn hợp trước khi tiêm.
Lưu ý: Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay.

VV-CHYMOSIN

Tiêu viêm, giảm phù nề sưng đau, tan máu bầm



Quy cách: 100ml

THÀNH PHẦN
1 hộp 2 sản phẩm

Chai bột:
 α - Chymotrypsin.....400 mg
Trypsin.....100 mg
Chai dung dịch pha tiêm:
Dung môi, tá dược vừa đủ.....100 ml

CÔNG DỤNG

Giảm viêm và phù mô mềm do áp xe, chấn thương hoặc giảm phù nề sau phẫu thuật.
Kết hợp điều trị viêm trong các bệnh viêm vú, viêm khớp.
Giúp làm lỏng và giảm bài tiết các dịch đường hô hấp trên trong các bệnh: hen, viêm phế quản, viêm phổi, viêm xoang mũi, Coryza, CRD, CCRD, ORT.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Pha đều với lọ dung môi pha tiêm trước khi sử dụng, tiêm bắp hoặc tiêm cục bộ, lặp lại sau 12-24 giờ nếu cần.
Gia cầm: 1ml/10-15 kg thể trọng.
Gia súc nhỏ: 1ml/20-30 kg thể trọng.
Gia súc lớn: 3-6 ml/100kg thể trọng.

DUNG DỊCH UỐNG/ HỖN DỊCH UỐNG

BUTAPHOS PRO

Tăng cường miễn dịch,
kích thích tăng trưởng



Quy cách: 500 ml, 1 lít

THÀNH PHẦN

Cách thành phần chính: Chất ổn định (Sorbitol), Chất mang (Inositol, nước tinh khiết) vừa đủ 1 lít
Butaphosphan (min)..... 100 000 mg Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm.
Lysin (min)..... 4000 mg
Methionine (min)..... 16 000 mg
Vitamin C (min)..... 20 000 mg
Thành phần nguyên liệu:
Các thành phần khác: L-Lysine HCl, DL-Methionine, Ascorbic acid, Vitamin B₃, Vitamin B₁₂, Vitamin B3..... 16 000 mg Acid folic, Sorbitol, Butaphosphan, Vitamin B12..... 50 mg Inositol, nước cất.
Acid folic..... 1200 mg

CÔNG DỤNG

- Kích thích tăng trưởng, tăng cường miễn dịch, tăng sức đề kháng, tăng quá trình trao đổi chất, tiêu hoá thức ăn, hỗ trợ phòng chống stress, giúp vật nuôi hồi phục nhanh sau khi bệnh.
- Hỗ trợ điều trị bại liệt, co giật, vô sinh, tăng khả năng sinh sản, tăng sản lượng, chất lượng thịt, trứng.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Pha vào nước uống hoặc trộn thức ăn, dùng liên tục 4 - 5 ngày, định kỳ sử dụng lại sau 1 tuần.
- Gia súc: 1 ml/ 3 - 4 lít nước uống hoặc 1 ml/ 15 - 20 kg thể trọng.
- Gia cầm: 1 ml/ 1 - 2 lít nước uống hoặc 1 ml/ 10 - 15 kg thể trọng.
- Gia cầm đẻ, gia cầm thịt: 1 - 1,5 ml/ lít nước uống hoặc 1 ml/ 1 kg thức ăn.
- Gia cầm giống: 0,5 - 1 ml/ lít nước uống hoặc 0,5 - 1 ml/ 1 kg thức ăn.

BROMHEXINE

Giảm ho, long đờm,
chống co thắt phế quản



Quy cách: 500 ml, 1 lít

THÀNH PHẦN

Bromhexine HCl 10 mg
Trong 1 ml chứa Dung môi vừa đủ 1 ml

CÔNG DỤNG

Giảm ho, long đờm.
Giãn phế quản, thông khí quản, kích thích hô hấp (dễ thở) trên gia cầm, heo, bò, bê.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Pha với nước uống, từ 2 - 3 ngày.
Liều chung: 1 ml/ 10 kg thể trọng hoặc 1 ml/ 1 lít nước uống.
Lưu ý: nên kết hợp kháng sinh để tăng hiệu quả điều trị.

DICLACOC 30

Đặc trị cầu trùng



Quy cách: 500 ml, 1 lít

THÀNH PHẦN

Diclazuril..... 30 mg
Trong 1 ml chứa Dung môi vừa đủ 1 ml

CÔNG DỤNG

Điều trị cầu trùng trên bê, nghé, cừu và gia cầm.

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Pha vào nước uống hoặc cho uống trực tiếp.
- Bê, nghé, cừu:
Điều trị: Liều duy nhất 1 ml/ 30 kg thể trọng.
Phòng bệnh: 1 ml/ 30 kg thể trọng, 1 liều duy nhất lúc 4 - 6 tuần tuổi.
- Gia cầm: 1 ml/ 5 - 6 lít nước hoặc 1 ml/ 30 kg thể trọng/ ngày, trong 3 ngày liên tiếp.
Khuyến cáo nên điều trị toàn đàn cùng một lúc.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

ENROVET ORAL Đặc trị nhiễm trùng đường hô hấp, tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy do E. coli  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Enrofloxacin.....200 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml - Gia cầm: Điều trị tiêu chảy, CRD, C-CRD, Coryza (gây sưng phù đầu), thương hàn, tụ huyết trùng. - Bê, dê, cừu, heo: Điều trị tiêu chảy do E. coli, viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng. Dung dịch pha vào nước uống hoặc cho uống trực tiếp, trong 3 - 5 ngày. - Bê, dê, cừu: 1 ml/ 20 - 25 kg thể trọng, 2 lần/ ngày. - Heo: 1 ml/ 3 - 5 lít nước uống/ ngày. - Gia cầm: 1 ml/ 4 lít nước uống/ ngày. Nước đã pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.
ENROXACIN 10 Đặc trị viêm phổi, CRD, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, toi gà - gà rù  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Enrofloxacin.....100 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị tiêu chảy, tiêu chảy do E. coli, CRD, CCRD, Coryza, viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm. Pha vào nước uống hoặc cho uống trực tiếp, trong 3 - 5 ngày. - Bê, dê con & cừu: 1 ml/ 7,5 - 15 kg thể trọng, dùng 2 lần/ ngày. - Heo: 1 ml/ 1 - 3 lít nước uống. - Gia cầm: 1 ml/ 1,5 - 2 lít nước uống. Nước đã pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.
FLOFEN 200 Đặc trị thương hàn, CRD, tiêu chảy  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol.....200 mg Dung môi vừa đủ.....1 ml Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên heo và gia cầm. Pha vào nước uống hoặc dùng trực tiếp, từ 3 - 5 ngày. Heo: 1 ml/ 4 lít nước uống hoặc 1 ml/ 20 kg thể trọng/ ngày. Gia cầm: 1 ml/ 2 lít nước uống hoặc 1 ml/ 10 kg thể trọng/ ngày. Chú ý: Nước đã pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

FLODOX 30 20 Đặc trị viêm phổi, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol 200 mg Doxycycline HCl 100 mg Dung môi vừa đủ 1 ml Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia cầm, heo. Hòa vào nước uống hoặc cho uống trực tiếp, dùng liên tục 5 - 7 ngày. - Gia cầm: 1 ml/ 2 lít nước uống hoặc 1 ml/ 15 - 20 kg thể trọng. - Heo: 1 ml/ 20 - 25 kg thể trọng. Nước pha thuốc nên được sử dụng ngay lập tức và pha mới lại sau 24 giờ trong suốt quá trình điều trị.
FLUCONAZOLE Đặc trị nấm phổi, nấm nội tạng, nấm điều, nấm ngoài da, nấm đường tiêu hóa  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Fluconazole 15 mg Dung môi vừa đủ 1 ml Điều trị bệnh nấm phổi, nấm nội tạng, nấm điều, nấm đường tiêu hóa, nấm da, nấm hệ thần kinh và tiết niệu trên gia cầm, chim, chó, mèo, ngựa, thỏ, động vật gặm nhấm, cừu dừ. Pha với nước uống hoặc cho uống trực tiếp. Liều điều trị: - Gia cầm, chim: 1 ml/ 5 kg thể trọng hoặc 1 ml/ 1 lít nước uống, liên tục trong 5 - 7 ngày. - Chó, mèo: 1 ml/ 4 - 6 kg thể trọng, dùng liên tục 4 - 6 tuần. - Thỏ: 1 ml/ 1,5 - 2 kg thể trọng, liên tục từ 1 - 2 tuần. Phòng bệnh: - Gia cầm, chim non: cách 10 ngày cho uống một đợt thuốc 2 ngày. - Gà, vịt: Khoảng 2 - 3 tuần cho uống một đợt thuốc 2 ngày.
METISOL Bổ gan, giải độc, kích thích tiêu hóa  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 lít chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Các thành phần chính: Sorbitol (min) 200 000 mg Methionin (min) 10 000 mg Các thành phần khác: Cholin (min) 14 000 mg Magie (min - max) 1 800 - 2 200 mg Chất tạo màu (Tartrazine), chất mang (nước tinh khiết) vừa đủ 1 lít Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm. Thành phần nguyên liệu: Sorbitol, DL-Methionin, Cholin chloride, Magnesium sulfate, Magnesium gluconate, Tartrazine, nước tinh khiết. Giúp vật nuôi giải độc gan, hỗ trợ men gan, tăng sức đề kháng, tăng trưởng nhanh, hấp thu dưỡng chất tốt, thú mau lớn, hồng da, mượt lông, tăng cân, tăng sản lượng trứng. Liều dùng chung cho gia súc, gia cầm: 1 ml/ 1 lít nước uống.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

NORFLOX-200 Đặc trị thương hàn, tiêu chảy  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Norfloxacin HCl200 mg Dung môi vừa đủ..... 1 ml Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm. Pha vào nước uống hoặc cho uống trực tiếp, trong 3 - 5 ngày. - Trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo: 1 ml/ 15 - 20 kg thể trọng/ ngày. - Gia cầm: 1 ml/ 10 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 ml/ 2 lít nước uống. Nước đã pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.
PRO ONE Giải độc gan - thận cấp tốc, giải độc tố nấm mốc, tăng cường miễn dịch, tăng lực nhanh, giảm FCR, cân bằng vi sinh đường ruột  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Các thành phần chính: Dịch chiết nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> (min) 350 000 mg Vitamin B₁ (min) 1 000 mg Lysin (min) 50 000 mg Methionine (min) 50 000 mg Các thành phần khác: Saponin (min) 1 000 mg Vitamin B₂ (min) 1 000 mg Vitamin B₃ (min) 1 000 mg Vitamin B₅ (min) 500 mg Vitamin B₆ (min) 500 mg Vitamin C (min) 2 000 mg Inositol (min) 2 000 mg Adenosine triphosphat (min) 2 000 mg Chất hỗ trợ vật nuôi Lactic acid, tinh chất nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> giàu acid amin, protein, β-glucan, Citric acid, Formic acid, acid hữu cơ và vitamin tạo thành một chế phẩm hữu cơ giúp người chăn nuôi mang lại hiệu quả cao. Chất mang (<i>Yucca schidigera</i>, nước tinh khiết) vừa đủ..... 1 lít <i>Không có kháng sinh, hormone và chất cấm.</i> Thành phần nguyên liệu: Vitamin B₁, Vitamin B₂, Vitamin B₃, Vitamin B₅, Vitamin B₆, Vitamin C, Inositol, Adenosine triphosphat, Lactic acid, Citric acid, Formic acid, tinh chất nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i>, <i>Yucca schidigera</i>, nước tinh khiết. - Giải độc, phân hủy và đào thải chất độc ra khỏi cơ thể vật nuôi. - Tăng cường tối đa hiệu quả bảo vệ vaccine. - Giải độc gan, thận tái tạo tế bào gan, giải độc tố nấm mốc. - Tăng khả năng miễn dịch, tăng cường sức đề kháng cho thú non mới sinh. - Kích thích tiêu hóa, cân bằng hệ vi sinh đường ruột, hấp thu thức ăn trong ruột non của vật nuôi. - Phòng trừ các vi sinh vật có hại trong đường ruột của vật nuôi. - Giảm hệ số FCR. Pha vào nước uống hoặc trộn thức ăn, dùng liên tục 3 - 5 ngày, định kỳ sử dụng lại sau 1 tuần. Gia súc: 1 ml/ 4 - 5 lít nước uống hoặc 100 ml/ 1.200 - 1.500 kg thể trọng. Gia cầm: 1 ml/ 3 - 4 lít nước uống hoặc 100 ml/ 1.000 - 1.200 kg thể trọng.
SELEN PLUS Tăng suất sinh sản, đẻ sai, đẻ khỏe, tinh khỏe, tăng đậu phôi, tăng miễn dịch, cải thiện lòng đỏ trứng  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Chất chính: chất cấm. Vitamin E (min) 65 000 mg Selen (min-max) 360 - 540 mg Chất nhũ hóa (Tween 80), Chất tạo màu (Canthaxanthin), Chất mang (Nước tinh khiết) vừa đủ 1 lít Không có kháng sinh, hormone và Thành phần nguyên liệu: Vitamin E, Sodium Selenite, Tween 80, Canthaxanthin, nước tinh khiết. Nâng cao khả năng sinh sản, tăng sản lượng trứng, sữa, cải thiện chất lượng lòng đỏ trứng. Cải thiện hệ miễn dịch, cải thiện trao đổi chất, hỗ trợ chống oxy hóa, ngăn ngừa sự hình thành các gốc tự do, giảm tổn thương tế bào. Bổ sung vitamin E; bệnh thiếu vitamin E gây ra bệnh nhược cơ, trắng cơ, chậm động dục. Tăng hoạt động của tinh trùng, tinh khỏe, tăng tỷ lệ đậu phôi, tăng khả năng ấp nở, tăng tỷ lệ sống ở con non. Pha vào nước uống. Gia cầm, heo: 1 ml/ 2 - 3 lít nước uống. Bò, dê, cừu: 1 ml/ 1 lít nước uống.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

TILMI 250 ORAL Đặc trị CRD, ORT, CCRD, viêm phổi  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa	Tilmicosin..... 250 mg Dung môi vừa đủ 1 ml
	CÔNG DỤNG	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, CRD, CCRD, viêm phổi, tụ huyết trùng trên bê, heo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Pha vào nước uống, dùng 3 - 5 ngày. - Gia cầm: 1 ml/ 3 lít nước uống hoặc 1 ml/ 12,5 - 16 kg thể trọng/ ngày. - Bê, heo: 1 ml/ 20 kg thể trọng dùng 2 lần/ ngày.
TOLTRAZUL Đặc trị cầu trùng ở heo con, bê, nghé  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa	Toltrazuril 50 mg Dung môi vừa đủ 1 ml
	CÔNG DỤNG	Trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con, bê, nghé.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	- Heo con: từ 3 - 5 ngày tuổi, dùng 1 liều duy nhất: 0,4 ml/ 1 kg thể trọng. - Bê, nghé: dùng 1 liều duy nhất: 3 ml/ 10 kg thể trọng. Để đảm bảo đúng liều, trọng lượng thú nên được xác định càng chính xác càng tốt.
VV-CHYMOSIN Tiêu viêm, chống phù nề, giảm dịch nhầy, tan đờm, hỗ trợ điều trị bệnh đường hô hấp, phá hủy CASEIN, FIBRIN  Quy cách: 500 ml, 1 lít	THÀNH PHẦN Trong 1 ml chứa	α- Chymotrypsin 4 mg Trypsin..... 1 mg Dung môi vừa đủ 1 ml
	CÔNG DỤNG	Trị viêm và phù mô trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Kết hợp điều trị viêm trong các bệnh viêm đường hô hấp như hen, viêm phế quản, viêm phổi, viêm xoang mũi, Coryza, CRD, CCRD, ORT và phù mô giúp tăng hiệu quả khi sử dụng kháng sinh. - Gia cầm (Tiêm hoặc pha nước cho uống): 1 ml/10 kg thể trọng hoặc 1 ml/ 1 - 2 lít nước uống. - Bê, nghé (tiêm bắp hoặc tiêm cục bộ): 1 ml/ 20 - 30 kg thể trọng. - Trâu, bò, ngựa, heo (tiêm bắp hoặc tiêm cục bộ): 3 - 6 ml/ 100 kg thể trọng. Liều tiêm lặp lại sau 12 - 24 giờ nếu cần thiết.

THUỐC BỘT

AMOXCOLI W.S.P 50 Đặc trị viêm phổi, thương hàn, tiêu chảy  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Amoxicillin trihydrate.....500 mg Colistin sulphate.....2.000.000 UI Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Hòa vào nước cho uống hoặc trộn thức ăn, liên tục 3 - 5 ngày. Gia cầm: 1 g/ 25 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 5 lít nước uống. Trâu, bò, dê, cừu, heo: 1 g/ 25 - 50 kg thể trọng/ ngày. Lưu ý: Nước có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 8 giờ.
AMOXIN W.S.P Đặc trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, sưng phù đầu  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Amoxicillin trihydrate.....500 mg Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị bệnh đường hô hấp, viêm phổi, viêm màng phổi, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy trên bê, nghé, heo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Trộn vào thức ăn hoặc pha nước uống, từ 4 - 5 ngày. - Gia cầm: 1 g/ 25 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 5 lít nước uống. - Heo: 1 g/ 25 kg thể trọng, 2 lần/ ngày. - Bê, nghé: 1 g/ 50 kg thể trọng, 2 lần/ ngày.
ANTICOC W.S.P Đặc trị cầu trùng  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Sulfaclozine sodium monohydrat.....300 mg Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị bệnh cầu trùng, tiêu chảy, thương hàn, bệnh tụ huyết trùng trên bê, nghé, heo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Trộn vào thức ăn hoặc hoà vào nước uống 1 g/ 5 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 1 lít nước uống dùng liên tục 3 ngày. - Trị cầu trùng: 1,5 - 2 g/ 5 kg thể trọng/ ngày hoặc 1,5 - 2 g/ lít nước uống - Trị tiêu chảy, thương hàn: 1 - 2 g/ 5 kg thể trọng/ ngày hoặc 1,5 - 2 g/ lít nước uống, ít nhất 5 ngày.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

ASPIRIN-C Tăng sức đề kháng, hạ sốt, giảm đau, hỗ trợ điều trị cấp tốc  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Aspirin.....250 mg Vitamin C.....250 mg Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt, chống stress, tăng sức đề kháng trên gia cầm, trâu, bò, dê, cừu, ngựa.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Pha nước cho uống hoặc trộn vào thức ăn, dùng từ 5 - 7 ngày. - Gia cầm: 1 g/ 2 lít nước hoặc 1 kg/ tấn thức ăn. - Bê, cừu, dê: 1 g/ 50 kg thể trọng/ ngày. - Trâu, bò, ngựa: 1 g/ 100 kg thể trọng/ ngày.
AMPI COLI 50 Đặc trị E. coli, phân trắng, phân xanh  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Ampicillin trihydrate.....500 mg Colistin sulphate.....2.000.000 UI Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Trộn vào thức ăn hoặc pha vào nước uống, từ 3 - 5 ngày liên tiếp. - Trâu, bò, heo: 1 g/ 35 - 40 kg thể trọng. - Gia cầm: 1,5 g/ 35 - 40 kg thể trọng.
AMPI COLI 42 Đặc trị E. coli, toi gà, gà rù, phân trắng, phân xanh  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Ampicillin trihydrate.....42 mg Colistin sulphate.....125.000 UI Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Trộn vào thức ăn hoặc pha vào nước uống, từ 3 - 5 ngày liên tiếp. - Trâu, bò, heo: 1 g/ 10 kg thể trọng/ ngày. - Gia cầm: 1 g/ 1 lít nước uống hoặc 1 g/ 7 kg thể trọng/ ngày.
AMPI 500 W.S.P Đặc trị viêm ruột-tiêu chảy, đóng dấu son  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Ampicillin trihydrate.....500 mg Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Trị viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, nhiễm trùng đường hô hấp, viêm da, nhiễm trùng niệu sinh dục, đóng dấu son, các bệnh gây ra bởi vi khuẩn E. coli, Salmonella, Clostridium perfringens type C, Pasteurella multocida...
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Trộn vào thức ăn, bột sữa hoặc hòa vào nước uống, trong 5 ngày. Bê, cừu: 1 g/ 25 - 50 kg thể trọng, 2 lần/ngày. Heo: 1 g/ 25 - 50 kg thể trọng hoặc 1 g/ 1 lít nước uống, 2 lần/ ngày. Gia cầm: 1 g/ 5 lít nước uống.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

ANALGIN-C Giảm đau, hạ sốt, tăng sức đề kháng  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Analgin 100 mg Vitamin C 50 mg Potassium chloride 4 mg Sodium chloride 50 mg Trisodium citrate 10 mg Tá dược vừa đủ 1 g Giảm đau, hạ sốt, tăng sức đề kháng, phòng bệnh cảm cúm do thời tiết trên heo, gia súc, gia cầm. Pha vào nước hoặc trộn thức ăn. Sử dụng trong các trường hợp sau: Giảm đau, hạ sốt, kháng viêm, sốt cao: 1 g/ 2 lít nước uống. Giải nhiệt, tăng sức đề kháng, phòng bệnh cảm cúm, ngăn ngừa stress do thay đổi thời tiết, mật độ nuôi cao: 100 g/ 100 kg thức ăn hoặc 1 g/ 10 - 20 kg thể trọng.
BROMHEXINE W.S.P Giảm ho, long đàm, tiêu đàm, chống co thắt phế quản trong các bệnh đường hô hấp  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Bromhexin HCl..... 10 mg Tá dược vừa đủ..... 1 g Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, viêm phổi địa phương, giảm ho, long đàm, bệnh đường hô hấp xảy ra liên quan tới sự gia tăng bất thường việc tiết dịch nhầy trên bề, heo, chó, mèo, gia cầm. Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 5 - 7 ngày. Bê, heo: 1 g/ 20 kg thể trọng hoặc 1 g/ 4 lít nước uống. Gia cầm: 1 g/ 10 kg thể trọng hoặc 1 g/ 2 lít nước uống. Chó, mèo: 1 g/ 10 kg thể trọng.
BERIN-ST 10 Đặc trị tiêu chảy cấp tính, viêm ruột, ăn không tiêu, E. coli  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Streptomycin sulphate..... 35 000 IU Berberin HCl..... 10 mg Tá dược vừa đủ 1 g Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn tiêu hóa, da dày, ruột do E. coli, Salmonella,... với biểu hiện như: Tiêu chảy cấp tính, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phân có máu, viêm ruột, sinh bọng, đầy hơi, ăn không tiêu... - Trâu, bò, heo, dê, cừu: 2 g/ 10 - 15 kg thể trọng. - Gà, vịt, cút: 2 g/ 8 - 10 kg thể trọng hoặc 2 g/ 1 - 2 lít nước uống.
CEPHAXIN W.S.P 10 Đặc trị CRD, CCRD, hô hấp  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Cephalexin 100 mg Tá dược vừa đủ 1 g Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, viêm da trên trâu, bò, heo, gia cầm. Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3 - 5 ngày. Trâu, bò, heo: 1 g/ 10 kg thể trọng/ ngày. Gia cầm: 1 g/ 5 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 1 - 2 lít nước uống.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

COLIS 50 W.S.P 50 Đặc trị tiêu chảy, các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa  Quy cách: 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Colistin sulphate (20.000 UI/ mg).....500 mg Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Đặc trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3 - 5 ngày. - Heo: 1 g/ 100 - 150 kg thể trọng/ ngày. - Gia cầm: 1 g/ 60 - 80 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 10 - 16 lít nước uống. Lưu ý: Nước pha chứa thuốc nên được sử dụng ngay lập tức và làm mới mỗi 24 giờ trong suốt quá trình điều trị.
COTRIM-F Đặc trị cầu trùng máu tươi, sung phù đầu  Quy cách: 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Sulfamethoxazole.....400 mg Trimethoprim.....80 mg Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị viêm ruột, tụ huyết trùng, sung phù đầu (Coryza), cầu trùng, phó thương hàn, tiêu chảy, bại huyết, viêm buồng trứng trên heo, bê, dê, cừu, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, từ 3 - 5 ngày. Gia cầm: 1 g/ 10 - 12 kg thể trọng/ ngày. Heo, bê, dê, cừu: 1 g/ 12 - 16 kg thể trọng/ ngày.
DOXICLIN W.S.P Đặc trị CRD, ORT, CCRD, tụ huyết trùng, viêm phổi  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Doxycycline hyclate.....500 mg Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm xoang mũi, viêm khớp, CRD, Coryza, viêm rốn, tụ huyết trùng, viêm dạ dày-ruột trên bê, heo, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, từ 3 - 5 ngày. - Bê: 1 g/ 50 kg thể trọng/ ngày. - Heo: 1 g/ 25 kg thể trọng/ ngày. - Gia cầm: 1 g/ 25 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 - 2 g/ 5 lít nước/ ngày. Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.
DOXY-200 W.S.P Đặc trị hen suyễn, viêm phổi, sung phù đầu  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Doxycyclin HCl.....200 mg Tá dược vừa đủ.....1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn ở bê, lợn và gia cầm. Tiêu chảy, E. coli, nhiễm trùng đường hô hấp, hen gà (CRD), viêm khí quản truyền nhiễm và nhiễm khuẩn thứ phát trong quá trình bị bệnh do virus.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Pha nước uống hoặc sữa, từ 3 - 5 ngày. Heo, gia cầm: 5 g/ 10 lít nước uống. Bê non (có trọng lượng 50 kg): 5 g/ 10 lít sữa/ 2 con. Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

FLOCOL 50% W.S.P Đặc trị viêm phổi, ORT, tiêu chảy, sung phù đầu, kể phát tai xanh  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol.....500 mg Tá dược vừa đủ.....1 g Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu và bệnh truyền nhiễm, phụ nhiễm của tai xanh, sốt-bỏ ăn không rõ nguyên nhân trên heo, gia cầm. Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3 - 5 ngày. - Heo: 1 g/ 80 - 100 kg thể trọng/ ngày. - Gia cầm: 1 g/ 45 - 50 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 5 - 6 lít nước uống/ ngày. Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.
FLO-DOXY 02Br Đặc trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol.....20 mg Doxycyclin hyclate20 mg Tá dược vừa đủ1 g Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp truyền nhiễm, viêm xương trên trâu, bò, cừu, dê, heo, gia cầm. Trộn vào thức ăn, dùng liên tục 5 ngày. Trâu, bò, heo, dê, cừu: 1 kg/ 300 - 350 kg thức ăn. Gia cầm: 1 kg/ 250 kg thức ăn.
FLO-DOXY 04 Đặc trị thương hàn, viêm phổi, CRD, ORT  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol40 mg Doxycyclin hyclate40 mg Tá dược vừa đủ1 g Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp truyền nhiễm, viêm xương trên trâu, bò, cừu, dê, heo, gia cầm. Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3 - 6 ngày. Trâu, bò, dê, cừu, heo: 1 g/ 10 kg thể trọng/ ngày. Gia cầm: 1 g/ 5 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 1 lít nước.
FLO-DOXY 10 Đặc trị CRD, hô hấp, thương hàn  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Florfenicol100 mg Doxycyclin Hyclate.....100 mg Tá dược vừa đủ1 g Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp truyền nhiễm, viêm xương trên trâu, bò, cừu, dê, heo, gia cầm. Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3 - 6 ngày. - Trâu, bò, cừu, dê, heo: 1 g/ 20 - 25 kg thể trọng/ ngày. - Gia cầm: 1 g/ 10 - 12 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 2 lít nước.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

LINCO-SPEC W.S.P Đặc trị tiêu chảy, viêm khớp, viêm phổi, CRD, CCRD  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Lincomycin HCl.....22,2 mg Spectinomycin sulphate.....44,4 mg Tá dược vừa đủ.....1 g Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiêu hoá, nhiễm trùng huyết trên heo, gia cầm. Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, từ 3 - 5 ngày. - Heo: 1 g/ 10 kg thể trọng/ ngày. - Gia cầm: 1 g/ 5 kg thể trọng/ ngày hoặc 2 g/ 3 lít nước uống.
NEO-NYSTIN Đặc trị nấm phổi ghép hen, ghép E. Coli, nấm ruột  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Neomycin sulfate.....250 mg Nystatin.....200 mg Tá dược vừa đủ.....1 g Đặc trị nấm phổi ghép hen, tụ huyết trùng, thương hàn, nhiễm trùng huyết, viêm đường hô hấp, viêm ruột tiêu chảy trên gia cầm, trâu, bò, heo. Pha nước cho uống, hoặc trộn vào thức ăn. Dùng từ 3 - 5 ngày liên tục. - Gà, vịt, ngan: 1 g/ 70 - 80 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 20 lít nước uống. - Heo, trâu, bò: 1 g/ 150 - 180 kg thể trọng/ ngày.
NYSTATIN Đặc trị nấm phổi, nấm ruột, nấm điều, nấm phủ tạng  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Nystatin.....130.000 UI Tá dược, CuSO4 100 mg, cao tổi, vừa đủ.....1 g Phòng và trị các bệnh do nấm: Bệnh nấm phổi ở gà, vịt, ngan, ngỗng, chim; bệnh nấm miệng, nấm điều. Bệnh viêm phổi cấp tính do thức ăn bị nhiễm nấm Aspergillus ở bò, dê non, bê, cừu. Các trường hợp viêm phổi bội nhiễm nấm, rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy do dùng kháng sinh phổ rộng. Pha nước uống hoặc trộn vào thức ăn. Trị nấm miệng, điều, thực quản, dạ dày, ruột: Dùng từ 3 - 4 ngày. Dùng 1/2 liều ở trên, trong 4 - 6 ngày. Phòng bệnh: Dùng 1/5 liều điều trị, sử dụng thường xuyên tránh được 90% nguy cơ nhiễm các bệnh do nấm gây ra ở gia súc, gia cầm. Trị bệnh nấm phổi, nấm phủ tạng: Dùng từ 3 - 4 ngày. Dùng 1/2 liều ở trên, trong 4 - 6 ngày. Phòng bệnh: Dùng 1/5 liều điều trị, sử dụng thường xuyên tránh được 90% nguy cơ nhiễm các bệnh do nấm gây ra ở gia súc, gia cầm. - Gà, vịt, ngan, ngỗng, chim: 1 g/ 2 - 3 kg thể trọng/ ngày. - Heo, bê, nghé, dê, cừu: 1 g/ 3 - 4 kg thể trọng/ ngày. - Trâu, bò: 1 g/ 10 kg thể trọng/ ngày.
NORFLOX 50 Đặc trị hen, E. coli, tiêu chảy, thương hàn  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Norfloxacin HCl500 mg Tá dược vừa đủ1 g Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm. Pha nước cho uống hoặc trộn vào thức ăn. Dùng từ 3 - 5 ngày liên tục. Lưu ý: Thuốc đã trộn thức ăn nên dùng ngay. Nước có pha thuốc nên sử dụng trong 24 giờ. - Gia cầm: 1 g/ 5 lít nước uống hoặc 1 g/ 2,5 kg thức ăn. - Trâu, bò, dê, cừu, heo: 1 g/ 5 kg

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

PARA-C 75 Hạ sốt nhanh, giảm đau, tăng sức đề kháng  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Paracetamol 100 mg Vitamin C 75 mg Tá dược vừa đủ 1 g Hạ sốt, giảm stress trên trâu, bò, heo, gia cầm. Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3 - 5 ngày. Trâu, bò, heo: 1 g/ 10 - 12 kg thể trọng hoặc 1 g/ 2 - 3 kg thức ăn. Gà, vịt, cút: 1 g/ 6 - 8 kg thể trọng hoặc 1 g/ 1 - 2 lít nước.
PARA W.S.P 10 Hạ sốt nhanh, giảm đau  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Paracetamol 100 mg Tá dược vừa đủ 1 g Điều trị cảm cúm, hạ sốt, tiêu viêm, giảm đau trên trâu, bò, gia cầm, chó. Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3 - 5 ngày. Trâu, bò: 1 g/ 5 - 7 kg thể trọng hoặc 1 g/ 2 kg thức ăn. Gia cầm: 1 g/ 3 - 5 kg thể trọng hoặc 1 g/ 1 lít nước uống.
PARA-C 10 Hạ sốt nhanh, giảm đau, tăng sức đề kháng  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Paracetamol 100 mg Vitamin C 150 mg Tá dược vừa đủ 1 g Hạ sốt, giảm stress trên trâu, bò, heo, gia cầm. Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3 - 5 ngày - Trâu, bò, heo: 1 g/ 10kg thể trọng hoặc 1 g/ 2 kg thức ăn. - Gà, vịt, cút: 1 g/ 2 lít nước hoặc 1 g/ 3 kg thức ăn.
OXYCOLI PREMIX Đặc trị tiêu chảy, sung phù đầu, phù mắt trên heo  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Oxytetracyclin HCl..... 30 mg Colistin sulfate 200 000 UI Tá dược vừa đủ 1 g Điều trị các bệnh đường tiêu hoá do vi khuẩn gây ra như <i>E. coli</i>, <i>Salmonella</i>. Sung phù mắt, phù đầu, viêm ruột, kiết lỵ, tiêu chảy cấp và mãn tính, tiêu chảy phân trắng, phân xanh trên trâu, bò, bê, dê, cừu, heo, thỏ, gia cầm. Trộn vào thức ăn, dùng liên tục 3 - 5 ngày. Liều dùng: 25 g/ 75 - 100kg thể trọng hoặc 25 g/ 4 - 5 kg thức ăn. Lưu ý: Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

OXYVET W.S.P 50 Đặc trị viêm phổi, viêm ruột - tiêu chảy, Lepto  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Oxytetracycline HCl..... 500 mg Tá dược vừa đủ 1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu: tụ huyết trùng, CRD, viêm phổi, viêm xoang mũi, viêm ruột, bệnh Lepto trên bê, heo và gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3 - 5 ngày. - Bê: 1 g/ 50 kg thể trọng/ ngày. - Heo: 1 g/ 25 kg thể trọng, 2 lần/ ngày. - Gia cầm: 1 g/ 25 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 - 2 g/ 5 lít nước uống. Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.
OXOLIN Đặc trị tiêu chảy, thương hàn, CRD, CORYZA  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Oxolinic acid..... 200 mg Tá dược vừa đủ 1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp: viêm ruột tiêu chảy do E. coli, tiêu chảy phân xanh, phân trắng; hô hấp mãn tính (CRD), CCRD, khéc vịt, sung phù đầu (Coryza), thương hàn, nhiễm trùng huyết, viêm khớp trên gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Pha nước uống hoặc trộn thức ăn liên tục 3 - 5 ngày. Liều điều trị: 1 g/ 10 kg thể trọng/ ngày hoặc 1 g/ 1 - 2 lít nước.
SUPERCOX W.S.P Đặc trị cầu trùng, tiêu chảy phân trắng  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Sulfaquinoxaline 150 mg Diaveridine 50 mg Vitamin K3 20 mg Tá dược vừa đủ 1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị bệnh cầu trùng ở gia cầm do Eimeria, bệnh tụ huyết trùng do Pasteurella multocida và bệnh thương hàn, tiêu chảy phân trắng do Salmonella và E. coli. Vitamin K3 giúp bảo vệ niêm mạc ruột, chống xuất huyết.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3 - 5 ngày. Gia cầm: 1 g/ 1 - 2 lít nước uống hoặc 1 - 1,4 g/ kg thức ăn, trong 3 ngày. Ngưng điều trị trong 3 ngày và lập lại trong 3 ngày, liều bằng ½ liều ban đầu sử dụng. Heo: 1 g/ 5 - 7 kg thể trọng/ ngày. Trâu, bò: 1 g/ 10 kg thể trọng/ ngày. Nếu trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.
SULFAMONOXIN W.S.P 20 Đặc trị cầu trùng  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g	Sulfamonomethoxine sodium 200 mg Tá dược vừa đủ 1 g
	CÔNG DỤNG	Điều trị viêm ruột, sung phù đầu, chảy nước mắt, nước mũi, thối mù mắt ở gà, vịt. Máu loãng, xuất huyết buồng trứng, phổi, gan, lách, tụy, viêm teo mũi, viêm phổi, tiêu chảy, cầu trùng trên heo, bê, dê, cừu, nghé, chó, gia cầm.
	LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	- Pha vào nước uống hoặc trộn thức ăn. - Gia cầm: 2 - 3 g/ 1 - 2 lít nước uống. - Heo, bê, dê, cừu, nghé: 3 - 6 g/ 20 kg thể trọng/ ngày. - Chó: 1 g/ 2 - 4 kg thể trọng/ngày Thuốc pha xong nên dùng ngay và làm mới trong 12 giờ.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

TIAMULIN W.S.P Đặc trị CRD, viêm đường hô hấp, hồng lỵ  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tiamulin HF..... 100 mg Tá dược vừa đủ 1 g Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm ruột ở heo, gia cầm. Pha vào nước uống hoặc trộn thức ăn, trong 5 - 7 ngày. - Heo: 1 g/ 8 kg thể trọng/ ngày hoặc 2 g/ kg thức ăn. - Gia cầm: 1 g/ 4 kg thể trọng/ ngày hoặc 2,5 g/ lít nước uống hoặc 5 g/ kg thức ăn. Lưu ý: Nước pha chứa thuốc nên được sử dụng ngay lập tức và làm mới mỗi 24 giờ trong suốt quá trình điều trị.
VV-LEVASOL Thuốc tẩy giun  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Levamisole HCl 100 mg Tá dược vừa đủ 1 g Phòng và trị giun trên trâu, bò, cừu, dê, heo, gia cầm. Dùng 1 liều duy nhất, trộn đều thuốc trong 1 ít thức ăn hoặc pha vào nước uống. - Heo, trâu, bò, dê, cừu: 2 g/ 15 kg thể trọng. - Gia cầm: 1 g/ 5 kg thể trọng. Lưu ý: Heo, gia cầm 2 tháng xổ 1 lần. Trâu, bò, dê, cừu 6 tháng xổ 1 lần. Không dùng thuốc cho thú đang trong thời gian mắc bệnh hay dưỡng bệnh lúc mổ thiến, tiêm phòng.
VV-CHYMOSIN 15 Tiêu viêm, giảm phù nề - sưng đau, thủy phân protein  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	α- Chymotrypsin 1,5 mg Aspirin 50 mg Tá dược vừa đủ 1 g Kết hợp điều trị viêm và phù mô trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo, gia cầm. Tan máu bầm, giảm viêm, giảm phù nề sau phẫu thuật. Nhờ tác dụng thủy phân protein của fibrin và casein, làm mất đi nơi khu trú của mầm bệnh, giúp tăng hiệu quả sử dụng kháng sinh đối với vi khuẩn, giúp làm lỏng và giảm bài tiết các dịch đường hô hấp trong các bệnh: hen, viêm phế quản, viêm phổi, viêm xoang mũi, Coryza, CRD, CCRD, ORT. Sản phẩm chỉ hỗ trợ điều trị, không thay thế kháng sinh. Pha vào nước hoặc trộn thức ăn, dùng liên tục 4 - 6 ngày cho một liệu trình điều trị: Gia cầm: 1 g/ 5 - 8 kg thể trọng/ ngày. Gia súc: 1 g/ 10 - 15 kg thể trọng, 1 g/ 2 lít nước hoặc trộn 1 g/ 2 kg thức ăn. Trường hợp bệnh nặng dùng liều gấp đôi. Sử dụng kháng sinh đúng và đủ liều để có kết quả điều trị tốt.
VALOSIN Đặc trị CRD, ORT, viêm túi khí, viêm phổi, APP, viêm ruột hoại tử, Mycoplasma  Quy cách: 10 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 g CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Tylvalosin..... 42,5 mg Tá dược vừa đủ 1 g Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn và gia cầm. - Lợn: Điều trị các bệnh viêm phổi do dịch tả lợn gây ra bởi Mycoplasma Hyopneumoniae, viêm ruột tăng sinh (viêm hồi tràng) do Lawsonia nội bào, bệnh lỵ do Brachyspira hyodysenteriae. - Gia cầm: Đặc trị hen gà, khẹt vịt (CRD), hen kéo màng (CCRD), hen ngập, ORT, sưng phù đầu (Coryza), tụ huyết trùng, viêm ruột hoại tử, tiêu chảy, viêm ruột mãn tính. Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn. Gia cầm: 1 g/ 2 kg thể trọng, dùng liên tiếp 3 ngày. Lợn: - Viêm phổi: 1 g/ 20 kg thể trọng hoặc 1 kg/ 1 tấn thức ăn, dùng liên tiếp 7 ngày. - Viêm hồi tràng, bệnh lỵ: 1 g/ 10 kg thể trọng hoặc 2 kg/ tấn thức ăn, dùng liên tiếp 10 ngày. Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

ADE. B COMPLEX C

Tăng sức đề kháng, vỗ béo, tăng sản lượng thịt, trứng, sữa



Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg

THÀNH PHẦN

Trong 1 kg

CÔNG DỤNG

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Các thành phần chính:

Vitamin A (min)	100 000 UI	Vitamin C (min)	1 000 mg
Vitamin D ₃ (min)	5 000 UI	Chất tạo màu (Tartrazine)	1 kg
Vitamin E (min)	50 UI	(Glucose) vừa đủ	1 kg
Vitamin B ₁ (min)	1 000 mg	Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm.	
Vitamin B ₂ (min)	500 mg	Thành phần nguyên liệu:	
Các thành phần khác:		Vitamin A, Vitamin D ₃ , Vitamin E, Vitamin B ₁	
Vitamin B ₂ (min)	600 mg	HCl, Vitamin B ₆ HCl, Calcium-D-pantothenate, Vitamin B ₁₂ , Vitamin B ₃ , Tartrazine,	
Vitamin B ₅ (min)	2 000 mg	Vitamin C (Ascorbic acid), Glucose.	
Vitamin B ₆ (min)	1 000 mg		

Bổ sung Vitamin cho gia súc, gia cầm. Giúp giảm còi cọc, giảm tỷ lệ xóp xương, tăng sức kháng bệnh, vỗ béo gia súc, gia cầm trong giai đoạn trước khi xuất chuồng hoặc trước khi đẻ trứng. Giúp tăng sản lượng và chất lượng thịt, trứng, sữa.

Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn.
- Gia súc: 1 g/ 1 lít nước uống hoặc 100 g/ 20 kg thức ăn.
- Gia cầm: 2 g/ 1 lít nước uống hoặc 100 g/ 10 kg thức ăn.

BETA - GLUCAN 50

Hỗ trợ giải độc gan, giúp gia tăng miễn dịch, hỗ trợ phòng bệnh và tăng năng suất, giải pháp tối ưu cho sức khỏe vật nuôi



Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg

THÀNH PHẦN

Trong 1 kg

CÔNG DỤNG

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Các thành phần chính:

1,3 - 1,6 Beta-Glucan (min).....	500 000 mg	Sorbitol (min)	100 000 mg
Vitamin B ₁₂ (min).....	20 mg	Selenium (min - max).....	82 - 100 mg
Methionine (min).....	40 000 mg	Chất mang (Glucose) vừa đủ	1 kg
Lysine (min).....	20 000 mg	Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm.	
Các thành phần khác:		Thành phần nguyên liệu:	
Bacillus spp. (min).....	1 x 10 ⁷ CFU	Sorbitol, Vitamin B ₁₂ , DL-Methionine, L-Lysine,	
Saccharomyces spp. (min).....	1 x 10 ⁷ CFU	Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae,	
α-Amylase (min).....	10 000 IU	α-Amylase, Protease, Sodium Selenite, 1,3 - 1,6	
Protease (min).....	400 IU	β-Glucan, Glucose.	

- Hỗ trợ phòng chống stress, kích thích tiêu hóa, tăng khả năng giải độc, tăng năng suất chăn nuôi.
- Tăng cường hệ miễn dịch, dùng phối hợp với thuốc kháng sinh trong điều trị bệnh.

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn.
Trưởng hợp hỗ trợ chống stress, kích thích tiêu hóa, tăng trọng, dùng liên tục 5 - 7 ngày:
Heo: 1 g/ 5 lít nước uống hoặc 100 g/ 250 kg thức ăn, mỗi tháng dùng 1 - 2 đợt.
Riêng đối với heo nái: Dùng trước khi sinh và trong suốt thời gian cho con bú.
Heo con: Dùng sau khi sinh được 1 tuần, liên tục đến khi cai sữa.
- Gia cầm: 1 g/ 3 - 5 lít nước uống hoặc 100 g/ 150 - 200 kg thức ăn, mỗi tháng dùng 1 - 2 đợt.
Trường hợp phối hợp kháng sinh, dùng trong mùa dịch, liên tục 7 - 10 ngày:
- Heo: 1 g/ 3 lít nước uống hoặc 100 g/ 150 kg thức ăn.
- Gia cầm: 1 g/ 1 - 2 lít nước uống hoặc 100 g/ 70 - 100 kg thức ăn.

BETA - GLUCAN

Hỗ trợ giải độc gan, giúp gia tăng miễn dịch, phòng bệnh và tăng năng suất, giải pháp tối ưu cho sức khỏe vật nuôi



Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg

THÀNH PHẦN

Trong 1 kg

CÔNG DỤNG

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Các thành phần chính:

1,3-1,6 Beta-glucan (min).....	100 000 mg	Chất tạo màu (Tartrazine), chất mang (Glucose) vừa đủ	1 kg
Các thành phần khác:		Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm.	
Methionine (min).....	15 000 mg	Thành phần nguyên liệu:	
Tryptophan (min).....	2 500 mg	1,3-1,6 Beta-glucan; DL-Methionin,	
Lysin (min).....	20 000 mg	Tryptophan, L-Lysin, Acid glutamic,	
Acid glutamic (min).....	20 000 mg	Tartrazine, Glucose.	

- Tăng khả năng hoạt động hệ miễn dịch, nâng sức đề kháng, duy trì sức khỏe vật nuôi.
- Tăng khả năng đại thực bào, phòng ngừa bệnh do vi khuẩn, giúp cơ thể mau hồi phục.
- Tạo kháng thể sau khi tiêm phòng vaccin.
- Hỗ trợ phòng chống stress do thay đổi môi trường sống, vận chuyển, mật độ cao, dịch bệnh, tiêm phòng vaccin.

Hòa nước cho uống hoặc trộn vào thức ăn.
- Gà, vịt, ngan, chim cút: 1 g/ 8 kg thể trọng/ ngày, 1 g/ 2 - 3 lít nước hoặc 1 g/ 1 - 2 kg thức ăn.
- Gà con, vịt con: 2 - 3 g/ 1,5 lít nước uống.
- Gia súc, thỏ: 1 - 2 g/ 1,5 lít nước hoặc trộn với 1 - 2 kg thức ăn.

BIOZYME PREMIX

Men tiêu hóa chịu kháng sinh, chịu acid dạ dày, ngừa tiêu chảy, phân sống, tăng khả năng tiêu hóa, tăng trọng nhanh



Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg

THÀNH PHẦN

Trong 1 kg

CÔNG DỤNG

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Các thành phần chính:

Bacillus spp. (min).....	10 ⁹ CFU	Vitamin B ₂ (min)	50 mg
Lysin (min).....	2 500 mg	Vitamin B ₅ (min).....	50 mg
Methionin (min).....	5 000 mg	Cholin (min).....	725,6 mg
Vitamin B ₁ (min).....	100 mg	Chất mang (Bột trấu, Glucose) vừa đủ	1 kg
Zn (min - max).....	1 816 - 2 220 mg	Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm.	
Các thành phần khác:		Thành phần nguyên liệu:	
Lactobacillus spp. (min).....	10 ⁹ CFU	Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis,	
Saccharomyces spp. (min).....	10 ⁹ CFU	Saccharomyces cerevisiae, L-Lysin,	
Natri (min - max).....	10 583 - 12 934 mg	DL-Methionin, ZnSO ₄ , Vitamin B, HCl, Vitamin B ₂ ,	
Kali (min - max).....	1 178 - 1 440 mg	Vitamin B ₃ , Cholin chloride, Sodium chloride,	
		Potassium chloride, Bột trấu, Glucose.	

Bổ sung vi sinh vật có lợi cho trâu, bò, dê, cừu, heo, gà, vịt, ngan, chim, cút giúp vật nuôi: Ổn định hệ vi sinh vật đường ruột, kích thích thèm ăn, tránh hiện tượng rối loạn tiêu hóa. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, làm giảm chi phí tiêu tốn thức ăn. Nâng cao khả năng tăng trọng đối với thú nuôi thịt. Làm giảm mùi hôi chuồng trại.

Trộn thức ăn.
Liều chung cho gia súc, gia cầm: 1 kg/ tấn thức ăn, cho ăn liên tục.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

BIOTIN PLUS Hỗ trợ phòng ngừa yếu chân, bại liệt, bảo vệ da, lông, móng  Quy cách: 100g, 500g, 1kg	THÀNH PHẦN Trong 1 kg	Các thành phần chính: Biotin (min) 4 mg Fe (min-max) 16 578 - 20 263 mg Zn (min-max) 14 534 - 17 764 mg Mn (min-max) 1 248 - 1 525 mg Các thành phần khác: Cu (min-max) 1 350 - 1 650 mg Ca (min-max) 8 244 - 10 076 mg Se (min-max) 2,8 - 3,5 mg Co (min-max) 15,4 - 18,8 mg Chất mang (Bột trấu, Glucose) vừa đủ 1 kg (Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm) Thành phần nguyên liệu: Biotin, FeSO₄, ZnSO₄, CuSO₄, MnSO₄, Sodium selenite, Dicalcium phosphat, Calcium carbonate, Cobalt (II) sulfate, Cobalt chloride, Glucose, bột trấu. CÔNG DỤNG - Bổ sung vitamin, khoáng chất cần thiết cho gia súc, gia cầm, giúp vật nuôi cứng xương, ngừa nứt móng, yếu chân, phòng ngừa bại liệt sau khi sinh. - Giảm hiện tượng cắn mổ. - Hồng da, mượt lông, thu tăng trưởng nhanh, sinh sản tốt. LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG Pha vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn. - Heo nái, heo nọc: 100 g/ 50 kg thức ăn. - Heo con: 100 g/ 40 kg thức ăn. - Heo sữa, heo thịt: 100 g/ 60 kg thức ăn. Nên bổ sung thường xuyên vào thức ăn. - Gia cầm: 100 g/ 40 kg thức ăn hoặc 100 lít nước uống.
BIOZYME Men tiêu hóa chịu kháng sinh, chịu acid dạ dày, ngừa tiêu chảy, phân sống, tăng khả năng tiêu hóa, tăng trọng nhanh  Quy cách: 100g, 1kg	THÀNH PHẦN Trong 1 kg	Các thành phần chính: Bacillus spp. (min) 10⁹ CFU Lysin (min) 2 500 mg Methionin (min) 5 000 mg Vitamin B₁ (min) 100 mg Zn (min - max) 1 816 - 2 220 mg Các thành phần khác: Lactobacillus spp. (min) 10⁹ CFU Saccharomyces spp. (min) 10⁹ CFU Natri (min - max) 10 583 - 12 934 mg Kali (min - max) 1 178 - 1 440 mg Vitamin B₂ (min) 50 mg Vitamin B₃ (min) 50 mg Cholin (min) 725.6 mg Chất mang (Bột trấu, Glucose) vừa đủ 1 kg (Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm). Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, L-Lysin, DL-Methionin, ZnSO₄, Vitamin B₁, HCl, Vitamin B₂, Vitamin B₃ (D-Calcium pantothenate), Cholin chloride, Sodium chloride, Potassium chloride, Bột trấu, Glucose. CÔNG DỤNG Bổ sung vi sinh vật có lợi cho gia súc, gia cầm giúp vật nuôi: - Ổn định hệ vi sinh vật đường ruột, kích thích thèm ăn, tránh hiện tượng rối loạn tiêu hóa. - Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, làm giảm chi phí tiêu tốn thức ăn. - Nâng cao khả năng tăng trọng đối với thú nuôi thịt. - Làm giảm mùi hôi chuồng trại. LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG Hòa vào nước uống hoặc trộn thức ăn. Liều chung cho gia súc, gia cầm: 1 g/ 2 lít nước uống hoặc trộn 1 kg/ tấn thức ăn, cho ăn liên tục.
CALCIUM PHOSPHORUS Tăng cường đề kháng, tăng năng suất cho vật nuôi  Quy cách: 100g, 500g, 1kg	THÀNH PHẦN Trong 1 kg	Các thành phần chính: Canxi (min - max) 37 800 - 46 200 mg Phospho (min - max) 13 500 - 16 500 mg Vitamin D₃ (min) 400 000 mg Các thành phần khác: Vitamin B₁₂ (min) 10 mg Vitamin C (min) 6.000 mg Acid citric (min) 270.000 mg Chất mang (Glucose, Bột trấu) vừa đủ 1 kg Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm. Thành phần nguyên liệu: Dicalcium phosphate, Calcium carbonate, Vitamin C (Ascorbic acid), Vitamin B₁₂, Vitamin D₃, Acid citric, Glucose, bột trấu. CÔNG DỤNG - Cung cấp Vitamin, hỗ trợ phòng và trị bệnh thiếu canxi và phospho trên gia súc, gia cầm. - Cần thiết cho sự hình thành xương, sản xuất trứng, truyền dẫn thần kinh, hoạt động cơ bắp và hình thành máu. - Phospho cần thiết cho sự hấp thụ canxi, duy trì sự cân bằng acid - base. - Vitamin C tăng cường sức đề kháng, giảm Stress, duy trì sự trao đổi collagen. - Vitamin B₁₂ cần thiết cho sự phân chia tế bào và hình thành máu. - Vitamin D₃ cần thiết cho sự hấp thụ canxi - phospho, phát triển xương và sản xuất trứng. LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG Trộn vào thức ăn. - Gia cầm: 1 g/ 1 - 2 lít nước uống hoặc 1 g/ 1 kg thức ăn. - Gia súc: 10 - 50 g/ con/ ngày.
ELECTROLYTE Bổ sung chất điện giải tan trong nước  Quy cách: 100g, 500g, 1kg	THÀNH PHẦN Trong 1 kg	Các thành phần chính: Natri (min - max) 190 000 - 232 000 mg Kali (min - max) 23 600 - 28 800 mg Chất mang (Glucose) vừa đủ 1 kg Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm. Thành phần nguyên liệu: Sodium chloride, Potassium chloride, Glucose. CÔNG DỤNG Bổ sung chất điện giải, bù nước cho gia súc, gia cầm khi bị sốt cao, tiêu chảy, trời nắng nóng, giúp vật nuôi nhanh hồi phục; hỗ trợ phòng chống stress do tiêm phòng, vận chuyển, thay đổi khẩu phần ăn. LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn. Liều chung cho gia súc, gia cầm: 1 - 2 g/ lít nước uống hoặc 4 - 5 g/ kg thức ăn.

Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

GLUCO K+C Giải nhiệt, giải độc, hỗ trợ phòng ngừa xuất huyết  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 kg CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Các thành phần chính: Vitamin K3 (min).....2 000 mg Vitamin C (min).....25 000 mg Chất tạo màu (Tartrazine) Chất mang (Glucose) vừa đủ.....1 kg Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm. Thành phần nguyên liệu: Menadione sodium bisulphite, Vitamin C (Acid ascorbic), Tartrazine, Glucose. - Cung cấp Vitamin K3, Vitamin C cho gia súc, gia cầm giúp giữ vững thành mạch, cầm máu, giải độc, chống nóng, giảm Stress, tăng sức đề kháng cơ thể vật nuôi. - Giúp vật nuôi nâng cao thể trạng, nhanh phục hồi sức khỏe khi bị bệnh hoặc sau khi dùng kháng sinh dài ngày. Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn. - Gia súc: 1 g/ 1 lít nước hoặc 1 g/ 10 kg thể trọng. - Gia cầm: 1 - 2 g/ lít nước hoặc 1 g/ 5 kg thể trọng.
LACTOZYM Bổ sung men tiêu hóa sống, hỗ trợ ngăn ngừa tiêu chảy, phân sống, giảm mùi hôi chuồng trại  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 kg CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Các thành phần chính: Lactobacillus spp. (min).....10 x 10⁹ CFU Chất mang (Glucose) vừa đủ.....1 kg Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm. Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus acidophilus, Glucose. Bổ sung vi khuẩn có lợi <i>Lactobacillus</i> spp. cho gia súc, gia cầm. Giúp cân bằng hệ tiêu hóa; hỗ trợ ngăn ngừa rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, phân sống, giảm tiêu tốn thức ăn, tăng trọng nhanh. Giúp thú nhanh hồi phục đường tiêu hóa sau khi dùng kháng sinh. Pha nước uống hoặc trộn vào thức ăn. Pha nước: 1 g/ lít nước. Trộn thức ăn: 1 g/ kg thức ăn. Dùng liên tục trong suốt quá trình nuôi.
SUPER GROW Siêu vỗ béo, siêu tăng trọng, hồng da, mượt lông, hỗ trợ chống còi  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 kg CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Các thành phần chính: Methionin (min)..... 1 500 mg Vitamin A (min) 1 000 000 UI Vitamin D₃ (min).....200 000 UI Vitamin E (min) 1 000 mg Các thành phần khác Vitamin B2 (min) 200 mg Vitamin B6 (min) 100 mg Vitamin B3 (min) 200 mg Bacillus spp. (min)..... 1 x 10⁹ CFU Zn (min - max)290,68 - 355,23 mg Fe (min - max)132,63 - 161,10 mg Cu (min - max).....36 - 44 mg Chất tạo màu (Ponceau 4R) Chất mang (Glucose) vừa đủ..... 1 kg Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm. Thành phần nguyên liệu: DL-Methionin, Vitamin B₂, Vitamin B₆, HCl, Nicotinamide, Vitamin A, Vitamin D₃, Vitamin E, Bacillus subtilis, ZnSO₄, FeSO₄, CuSO₄, Ponceau 4R, Glucose. Bổ sung axit amin, vitamin, cho trâu, bò, dê, cừu, heo, gà, vịt, chim, cút giúp vật nuôi tăng trưởng nhanh, hồng da, mượt lông, chắc xương, cứng vỏ trứng. Pha nước uống hoặc trộn vào thức ăn. Liều dùng chung cho gia súc, gia cầm: 100 g/ 10 kg thức ăn hoặc 2 g/ 1 lít nước uống.
SUPER WAY Tăng khả năng hấp thụ thức ăn, tăng trọng nhanh, tăng tỷ lệ ấp nở  Quy cách: 100 g, 500 g, 1 kg	THÀNH PHẦN Trong 1 kg CÔNG DỤNG LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG	Các thành phần chính: Methionin (min)..... 16 000 mg Vitamin B1 (min) 15 000 mg Zn (min - max)1 620 - 1 980 mg Fe (min - max)1 620 - 1 980 mg Mg (min - max)1 530 - 1 870 mg Các thành phần khác: Bacillus spp. (min) 10 x 10⁹ CFU Lactobacillus spp. (min)..... 10 x 10⁶ CFU Kali (min - max).....61 248 - 74 859 mg Natri (min - max).....77 846 - 95 145 mg Chất mang (Glucose) vừa đủ..... 1 kg Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm. Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, DL-Methionin, Vitamin B1 HCl, ZnSO₄, FeSO₄, MgSO₄, Sodium chloride, Potassium chloride, Glucose. - Thức ăn bổ sung vi sinh, axit amin, vitamin, khoáng chất cho gia súc gia cầm. Giúp vật nuôi ăn ngon, mau lớn, khỏe mạnh. - Tăng chất lượng, sản lượng trứng, thịt, sữa, tăng tỷ lệ ấp nở. - Tăng khả năng hấp thụ thức ăn, tăng sức đề kháng khi thời tiết thay đổi hoặc trong mùa dịch. - Cân bằng hệ vi sinh vật đường ruột, giúp thú nhanh hồi phục sau khi điều trị bằng kháng sinh. Pha nước uống hoặc trộn vào thức ăn, dùng liên tục trong suốt quá trình nuôi. Gia súc: 1 kg/ 100 kg thức ăn. Gia cầm: 2 g/ 1 lít nước uống.



**CHẤT LƯỢNG THUỐC THÚ Y HÀNG ĐẦU
CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



NỀN TẢNG SỨC KHỎE VẬT NUÔI
CHÌA KHÓA
cho
TRANG TRẠI THỊNH VƯỢNG





BIOTECHPHARMA

Lô B103, Đường Số 4, KCN Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: (0272) 377 4601 - **Hotline:** 0902 382 786

Email: biotechpharma.biotechpharma@gmail.com